TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HSST
Ngày: 28-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ

-Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà: Nguyễn Thị Thu Hà
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Lò Văn Chiên
2. Bà: Đào Thị Hòa

-Thư ký phiên toà: Ông: Giang Tiến Hiệp- Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên toà: Ông: Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2017/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐĐVARXX-HS đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: không, sinh năm 1987, tại huyện D, tỉnh H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Y, huyện D, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh L; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; bị cáo có vợ là: Vũ Thị Lan A, sinh năm: 1992 và có 02 con, con lớn nhất 2011, con nhỏ nhất 2014; tiền sự: không, tiền án: 01, theo bản án sơ thẩm số 51/2016/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội: "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù kể từ ngày 22/4/2016; nhân thân: có hai quyết định đi cơ sở chữa bệnh bắt buộc tại trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Hà Nam tháng 8 năm 2012 và tháng 02 năm 2016; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/10/2017, chuyển tạm giam ngày 22/10/1017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Phong Thổ, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Anh: Phạm Quang T1, sinh năm 1984, trú tại: thành phố L, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh: Phạm Văn H, sinh năm 1981. Trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 15 tháng 10 năm 2017, Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện D, tỉnh H, hiện đang tạm trú tại Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu đi vào khu vực bãi đá của Hợp tác xã 68 thuộc bản N, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu thì nhìn thấy phòng thứ hai của dãy nhà có cửa phòng nhưng không khóa, không có người (phòng của anh Phạm Quang T1, sinh năm 1984). T nhìn vào trong phòng thấy có 02 điện thoại di động (trong đó có 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen nhám, dung lượng 32 GB và 01 điện thoại nhãn hiệu HTC J One màu bạc cả 02 đều màn hình cảm ứng) đang sạc pin ở trên giường nên nảy sinh ý định đột nhập vào trong phòng lấy hai chiếc điện thoại để đem bán lấy tiền tiêu sài. T quan sát xung quanh không có người nên đi vào phòng rút dây sạc lấy 02 điện thoại trên cất giấu vào túi quần bên phải rồi đi về. Đến khoảng 10 giờ ngày 17/10/2017, T đến gặp Lù Văn T2, sinh năm 1967 trú tại bản H, xã K, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nhờ đi cầm hộ chiếc điện thoại nhãn hiệu HTC J One màu bạc (khi nhờ T không nói cho T2 biết đó là chiếc điện thoại do lấy trộm của người khác mà có). T2 đồng ý, cầm chiếc điện thoại đến đến nhà Lù Văn H1, sinh năm 1978 trú cùng bản với T2 cầm cố được số tiền 240.000 đồng, nhận tiền xong T2 đem về đưa cho T. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T tiếp tục đem chiếc Iphone 7 Plus đem đến nhà anh Phạm Văn H, sinh năm 1981 trú tại thôn T, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu hỏi mượn được của H 1.000.000 đồng và đưa chiếc điện thoại Iphone đó cho H để làm tin (khi đưa điện thoại T không nói cho H biết đó là điện thoại do lấy trộm của người khác mà có). Toàn bộ số tiền cầm cố, vay mượn trên T đã tiêu sài cá nhân hết. Anh Phạm Văn T1 phát hiện mất hai chiếc điện thoại đã trình báo cơ quan công an và trình báo có camera ghi hình sự việc ngày mất điện thoại. Qua xác minh, cơ quan điều tra đã triệu tập T lên làm việc. Tại cơ quan điều tra T đã khai nhận hành vi lấy trộm điện thoại của bị cáo. Hai chiếc điện thoại do T chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại là anh Phạm Quang T1.

Bản kết luận định giá tài sản số: 147/HĐ ĐGTS, ngày 20/10/2017; số 187/HĐĐGTS, ngày 07/12/2017 đều của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Phong Thổ kết luận: một chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu đen nhám, dung lượng 32 GB thành tiền là **19.323.666 đ** (*Mười chín triệu ba trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)*, một chiếc điện thoại HTC J One màu bạc thành tiền là **3.000.000đ** *(Ba triệu đồng).* Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn T chiếm đoạt

trị giá thành tiền **là 22.323.666 đ** (*Hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).*

Quá trình điều tra, truy tố tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là hoàn toàn đúng.

Bản cáo trạng số: 03/QĐ- KSĐT, ngày 15/12/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "***Trộm cắp tài sản***" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giữ quyền công tố tại phiên tòa, luận tội, căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa khẳng định quyết định truy tố là đúng cần giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; không áp dụng các hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo; đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; bị cáo không tranh luận; được nói lời sau cùng nhưng bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt, Kiểm sát viên và bị cáo đều nhất trí xét xử vắng mặt họ. Xét việc những người này vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 191 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, động cơ phạm tội cũng như loại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt được đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 15/10/2017, tại phòng của anh Phạm Quang T1 ở khu tập thể Hợp tác xã 68 thuộc bản N, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu

lợi dụng phong không khóa cửa, không có người, Nguyễn Văn T lén lút đột nhập vào trong phòng chiếm đoạt được hai chiếc điện thoại di động có tổng trị giá thành tiền là 22.323.666 đ (Hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) (trong đó có 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen nhám, dung lượng 32 GB và 01 điện thoại nhãn hiệu HTC J One màu bạc cả 02 đều màn hình cảm ứng) đang sạc pin trên giường trong phòng rồi mang về đem đi cầm cố lấy tiền và đã tiêu sài hết cho bản thân.

Hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo là hành vi trộm cắp tài sản đã hoàn thành, đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu sài mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Như vậy đã đủ kết luận bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản",* theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, cụ thể Điều luật quy định *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba* năm".

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị kết án chính về tội phạm "trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích, đây chính là trường hợp"đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại còn phạm tội do lỗi cố ý" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Mặt khác xét nhân thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy đã bị áp dung biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Hà Nam hai lần năm 2012 và 2016, nhưng bị cáo không tu dưỡng cải tạo bản thân. Điều đó cũng thể hiện ý thức coi thường bất chấp pháp luật của bị cáo. Do vậy cần buộc bị cáo đi tập trung cải tạo một thời gian theo Điều 33 Bộ luật Hình sự với mức án nghiêm khắc để trừng trị, giáo dục bị cáo, đồng thời là điều kiện để bị cáo từ bỏ được ma túy sớm trở lại hòa nhập gia đình nuôi dạy các con và hòa nhập cộng đồng, đảo bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn thuộc hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm về dân sự. Do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Hai chiếc điện thoại di động do bị cáo trộm cắp, Cơ quan điều tra đã xử lý bằng biện pháp trảo trả trực tiếp cho người bị hại là đúng luật, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền bị cáo cầm cố, mượn tiền từ hai chiếc điện thoại di động do phạm tội mà có nhưng bị cáo đã tiêu sài hết cho cá

nhân, điều kiện kinh tế bị cáo khó khăn thuộc hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử miễn truy thu số tiền này cho bị cáo.

Hội đồng xét xử thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo (có biên bản xác minh), căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong vụ án này có đối tượng H , T2 là người nhận cầm cố tài sản của bị cáo nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nay H có bị thiệt hại về tài sản nên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không yêu cầu bồi thường vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với T2 được bị cáo đưa điện thoại để lấy tiền nhưng T2 không có tiền nên lại đưa điện thoại cho H1 cầm cố tiếp, các đối tượng này cũng không biết là điện thoại do phạm tội mà có nên H1 không thiệt hại gì, cũng như giao dịch giữa H1 và T2 không liên quan đến bị cáo, do vậy H1 T2 không có quyền, lợi gì cần giải quyết vậy hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội " *Trộm cắp tài sản*".

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tuyển ***02*** (*Hai*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt (ngày 19/10/2017).

3/ Áp dụng Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

4/ Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi họ cư trú./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- CA huyện Phong Thổ (Nhà tạm giữ, đội điều tra);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- THADS huyện phong Thổ;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu
-Lưu: THA-HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà